|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND  **(DỰ THẢO)** | *Bắc Kạn, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội** **cho** **các** **đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thông qua tổ chức dịch vụ chi trả**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số [20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-20-2021-nd-cp-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx) ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định:

“*Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương*”.

Như vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền quyết định quy định mức chi phí chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

**2.** **Cơ sở thực tiễn**

Để tổ chức chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định, căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội *(Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)* và Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ *(Thông tư số 76/2021/TT-BTC)*, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 về việc thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả *(Quyết định số 834/QĐ-UBND)*, trong đó quy định mức phí chi trả là 1,05% trên tổng số tiền thực tế chi trả và giao cho UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn liên quan lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn.

Ngày 01/7/2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 50/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội *(Thông tư số 50/2024/TT-BTC)*, trong đó tại điểm d khoản 2 Điều 1 quy định: “*Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương*”.

Như vậy, việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả theo Quyết định số 834/QĐ-UBND của UBND tỉnh không còn phù hợp với Thông tư số 50/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Theo báo cáo của các huyện, thành phố và tổ chức dịch vụ chi trả, mức phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả đang thực hiện là 1,05% trên tổng số tiền thực tế chi trả đã đảm bảo các chi phí để tổ chức chi trả cho các đối tượng và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương. Do vậy, UBND tỉnh đề nghị giữ nguyên mức phí chi trả là 1,05% làm cơ sở xây dựng Nghị quyết.

Từ căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả là cần thiết, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích ban hành**

Xây dựng Nghị quyết nhằm đảm bảo cho việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả đúng quy định, được thuận lợi, đảm bảo an sinh xã hội, đáp ứng yêu cầu thực tiễn tại địa phương, là cơ sở pháp lý để UBND các huyện, thành phố và tổ chức dịch vụ chi trả thực hiện.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng theo quy định, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện thực tế của địa phương và có tính khả thi.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết nàyquy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

**2. Đối tượng áp dụng**

- Tổ chức dịch vụ chi trả.

- Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Nghiên cứu các văn bản pháp lý liên quan, gồm: Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội *(cơ quan chủ trì soạn thảo)* đã thực hiện các bước như sau:

1. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

2. Trình UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

3. Trên cơ sở chủ trương của HĐND tỉnh, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết xin ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố; đồng thời đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh lấy ý kiến của người dân.

4. Tổng hợp, tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

5. Gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

6. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh.

**V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục:** Dự thảo nghị quyết gồm 3 Điều:

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

**Điều 2.** Mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả và nguồn kinh phí thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

Quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước chi đảm bảo xã hội giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hằng năm, mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả khoảng 1,4 tỷ đồng/năm.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên (Đề nghị xem xét);  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Ban VH-XH HĐND tỉnh;  - VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;  - Sở LĐ-TB&XH;  - LĐVP;  - Lưu: VT, Hồng, VXNV(H). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Bình** |